

Bản án số: 84/2023/HS-ST  
Ngày: 03-11-2023

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Bảo

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Phước Tân – Ông Võ Hoàng Nghiệp

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàn Mỹ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Phú, Tòa án nhân dân huyện An Phú đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 77/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

**Đô Ha M2;** sinh ngày 15/5/1992. Giới tính: Nam. Nơi ĐKKHT: Khóm H, thị trấn Đ, huyện A, tỉnh An Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Chăm. Tôn giáo: Hồi giáo. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 7/12. Con ông: Mách M sinh năm 1962 và bà : K1 đã chết. Vợ: Ha Phi S sinh năm 1991 (đã ly hôn). Có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2012.- Tiền án:

+ Ngày 04/9/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 12/9/2021 chấp hành xong.

+ Ngày 24/3/2022, bị Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 07/12/2022 chấp hành xong.

- Tiền sự: Chưa

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/7/2023 cho đến nay tại Nhà tạm giữ - Công an huyện A

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

- Bị hại:

1/ Ông **Phan Phong P** năm 1972; Nơi cư trú: Khóm H, thị trấn Đ, huyện A, tỉnh An Giang (vắng mặt)

2/ Ông **Nguyễn Phú C** năm 1970; Nơi cư trú: Khóm H, thị trấn Đ, huyện A, tỉnh An Giang (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông **Nguyễn Văn L** năm 1994; Nơi cư trú: Khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang (vắng mặt)

2/ Ông **Mách M** năm 1962; Nơi cư trú: Khóm H, thị trấn Đ, huyện A, tỉnh An Giang (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 18/7/2023, Đô Ha M2 điều khiển xe mô tô biển số 67L5–2790 đến khu vực đường nội đồng thuộc **khóm H, thị trấn Đ, huyện A** trên đường rồi đi bộ tìm tài sản lấy trộm. Tại đây, ĐHa Miđ bắt 01 con gà trống của anh **Phan Phong P1** vào bao, rồi tiếp tục lấy trộm xe mô tô biển số 60M6–1654 của ông **Nguyễn Phú C1** đậu dưới sàn nhà ông **Dương Văn N** khi trộm xe, M2 đem đến **thành phố C** cho anh **Nguyễn Văn L1** 800.000 đồng. Số tiền có được Đô Ha M2 mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, ông **C2** hiện mất trộm xe nên đi tìm xung quanh thì phát hiện xe mô tô biển số 67L5 – 2790 và 01 con gà trống không rõ chủ sở hữu nên trình báo Công an. Qua xác minh, Công an tiến hành mời Đô Ha M2 về trụ sở làm việc thì Đô Ha M2 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 129/KL-HĐĐG.TTHS ngày 21/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang xác định:

- 01 (một) xe mô tô biển số 60M6-1654, nhãn hiệu MAJESTY, số máy FMG – 021190, số khung TT021190, màu sơn: nâu, dung tích xi lanh 97cm<sup>3</sup>, đã qua sử dụng có giá 2.800.000 đồng.

- 01 (một) con gà trống, màu xám đỏ, trọng lượng 1,2 kg có giá 144.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị mất trộm là 2.944.000 đồng.

Ngày 24/7/2023, Đô Ha M2 bị khởi tố điều tra.

Tại bản Cáo trạng số 74/CT – VKS.AP ngày 11/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú đã truy tố Đô Ha M2 về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo có mặt, cho biết mặc dù là người dân tộc Chăm nhưng bị cáo có thể nghe,

nói, đọc hiểu tiếng Việt Nam và không yêu cầu người phiên dịch. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Bị cáo khai nhận lý do thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để bán kiếm tiền mua ma túy sử dụng. Việc bị cáo sử dụng xe mô tô biển số 67L5-2790 của cha đi tìm tài sản lấy trộm thì cha bị cáo không hay biết. Khi bị cơ quan điều tra tạm giữ thì không bị thu giữ tài sản hoặc giấy tờ tùy thân gì. Ở giai đoạn điều tra bị cáo có nói với cha chuộc lại xe và bồi thường cho L

Ở giai đoạn điều tra:

Bị hại: Các ông **Phan P2** PNguyễn Phú C trình bày phù hợp nội dung vụ án. Hiện các ông đã nhận lại tài sản bị lấy trộm, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- **Nguyễn Văn L2** biết: Khoảng 04 giờ ngày 18/7/2023, anh có mua 01 xe mô tô biển số 60M6-1654 do Đô Ha M2 bán với giá 800.000 đồng. Khi mua **L3** biết xe do Đô Ha M2 lấy trộm mà có. Qua sự việc, anh đã được bồi thường số tiền 800.000 đồng nên không yêu cầu gì thêm.

- Ông **Mách M1** biết: Ông là cha ruột của **Đô Ha M2**. Xe mô tô biển số 67L5-2790 là tài sản của ông mua hồi tháng 02/2023 nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Việc Đô Ha M2 điều khiển xe đi trộm cắp tài sản ông không biết. Ông đã bồi thường 800.000 đồng cho anh **L3** không yêu cầu M2 trả lại số tiền trên, chỉ yêu cầu được nhận lại xe mô tô biển số 67L5-2790 và các giấy tờ.

Người làm chứng:

Các ông **Nguyễn Hà Thanh Nhân S** K trình bày phù hợp với nội dung vụ án. Theo đó vào khoảng tháng 02/2023 ông N1 có bán 01 xe mô tô biển số 67L5-2790, màu đỏ đen, nhãn hiệu SUFAT, loại xe nữ, số máy VPJLP52FMG500762, số khung RPJWCG1PJ5A500762 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 0000810 do Phòng C1 Công an tỉnh A cấp ngày 02/01/2006 cho **Đô Ha M2** với giá 4.000.000 đồng nhưng xe là tài sản của ông M

Ông **Đặng Quốc T** bày: Vào đầu tháng 7/2023 có bán 01 xe mô tô biển số 60M6-1654 cho ông **C3** giá 3.600.000 đồng, có giao giấy tờ nhưng không làm giấy mua bán.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu lời luận tội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên truy tố như Cáo trạng.

Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo ĐHa Mid với mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015

Bị hại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Xử lý vật chứng: Trả lại giấy chứng nhận đăng kí của xe mô tô biển số 60M6-1654 cho ông C4 lại xe mô tô biển số 67L5-2790 kèm giấy chứng nhận đăng kí xe cho ông M

Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt. Bị cáo nói lời nói sau cùng xin xem xét giảm nhẹ hình phạt, bị cáo biết hành vi của mình là sai, ăn năn hối cải.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện A, Viện kiểm sát nhân dân huyện A Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định.

Những người tham gia tố tụng đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Xét thấy: Những người tham gia tố tụng vắng mặt đã có lời khai tại Cơ quan cảnh sát Điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu, vào lúc 02 giờ 00 phút ngày 18/7/2023, Đô Ha M2 (có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản) đến nhà anh Phan Phong P3 bắt trộm 01 con gà trống màu xám đỏ, trọng lượng 1,2 kg trị giá 144.000 đồng, rồi tiếp tục lấy trộm xe mô tô biển số 60M6-1654 đã qua sử dụng, trị giá 2.800.000 đồng của ông Nguyễn Phú C1 đậu dưới sân nhà ông Dương Văn N khi trộm xe, M2 đem đến thành phố C được 800.000 đồng. Số tiền có được Đô Ha M2 mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết.

Tổng giá trị tài sản bị mất trộm qua định giá là 2.944.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Căn cứ

các quy định pháp luật, hành vi trên của bị cáo **Đô Ha M2** đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như đã viện dẫn là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.[3] Xét về tính chất, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy như sau: Bị cáo Đô Ha M2 là người trưởng thành, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ nhận thức, năng lực hành vi, có sức khỏe để lao động, tự tạo ra của cải phục vụ cho sinh hoạt cá nhân nhưng bản tính lười lao động, nghiện ngập ma túy. Mặc dù tài sản bị lấy trộm có giá trị không lớn, tuy nhiên bị cáo là người có nhân thân xấu, có nhiều tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*”: Vào năm 2020 đã bị Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xử phạt tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, sau khi chấp hành hình phạt tù lại tiếp tục phạm tội và bị Tòa án nhân dân huyện An Phú xử phạt tù với tình tiết tăng nặng là “tái phạm”. Lẽ ra sau các lần cải tạo, giáo dục, bị cáo phải có sự thay đổi về nhận thức, biết phân biệt đâu là hành vi đúng đắn, đâu là hành vi sai quấy, chí thú làm ăn, sống lương thiện làm gương cho các con nhưng chỉ vì bản chất lười biếng, tham lam, muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động, nhằm thỏa mãn cơn nghiện nên bị cáo đã thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của người khác sau khi chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa xóa án tích, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, vì vậy lần phạm tội này được xem là “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Do vậy cần phải có một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi lượng hình có xem xét bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú; tài sản đã trả lại cho bị hại; bị cáo là người dân tộc thiểu số. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt:

Sau khi xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo hình phạt tù với mức án nghiêm khắc theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

Lẽ ra bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền, tuy nhiên xét thấy hoàn cảnh kinh tế bị cáo khó khăn nên không áp dụng.

[5] Ông **Nguyễn Văn L4** mua xe mô tô biển số 60M6-1654 do Đô Ha M2 bán, nhưng không biết xe do trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[6] Các biện pháp tư pháp khác:

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 (một) xe mô tô biển số 67L5-2790, màu đỏ đen, nhãn hiệu SUFAT, loại xe nữ, số máy VPJLP52FMG500762, số khung RPJWCG1PJ5A500762 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 0000810 do Phòng C1 Công an tỉnh Acấp ngày 02/01/2006 mang tên Nguyễn Thị E

- 01 (một) xe mô tô biển số 60M6-1654, cùng 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 0218347, biển số đăng ký 60M6-1654 do Phòng C1 Công an tỉnh Đcấp ngày 03/01/2004 mang tên Phan Minh T1.

- 01 (một) con gà trống màu xám đỏ, trọng lượng 1,2kg.

Xe mô tô biển số 60M6-1654 và 01 con gà trống màu xám đỏ nặng 1,2kg đã trả lại cho bị hại Cvà Pnên không xem xét.

Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 0218347 do Phòng C1 Công an tỉnh Đcấp ngày 03/01/2004 mang tên Phan Minh T1, qua xác minh là của xe mô tô biển số đăng ký 60M6-1654, là tài sản của bị hại **C5** vậy trả lại cho ông C

Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 67L5-2790 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 0000810 do Phòng C1 Công an tỉnh Acấp ngày 02/01/2006 mang tên Nguyễn Thị E: Quá trình điều tra được ông M cho biết là mua bán vào tháng 02/2023, chưa làm thủ tục sang tên và bị cáo sử dụng vào việc phạm tội thì ông M không biết. Do vậy trả lại cho ông M

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản, nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 106, 292, 293, 333 và 336 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Đô Ha** M2 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Đô Ha** M2 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo (ngày 18/7/2023).

Biện pháp tư pháp:

Trả lại cho ông **Nguyễn P4** C01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 0218347 do Phòng C1 Công an tỉnh Đcấp ngày 03/01/2004.

Trả lại cho ông M 01 xe mô tô biển số 67L5-2790, màu đỏ đen, nhãn hiệu SUFAT, loại xe nữ, số máy VPJLP52FMG500762, số khung RPJWCG1PJ5A500762 cùng giấy

chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 0000810 do Phòng C1 Công an tỉnh A cấp ngày 02/01/2006.

(Các vật chứng trên hiện do cơ quan Thi hành án dân sự huyện Aquản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/10/2023)

Về án phí: Bị cáo Đô Ha M2 phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

\* **Nơi nhận:**

- Những người tham gia tố tụng;
- CA, VKS huyện AP;
- Tòa án, VKS tỉnh AG;
- Sở TP AG;
- THA DS H.An Phú;
- Cơ quan THA HS;;
- Lưu HS – VP.

**Nguyễn Quang Bảo**